

I. Yêu cầu cần đạt:**1. Năng lực đặc thù**

- củng cố cho HS về cách xem lịch, gọi tên các tháng trong năm; năm thường và năm nhuận; số ngày trong các tháng.
- Rèn kĩ năng xem lịch; giải các bài toán về tháng, năm; đổi đơn vị đo tháng – năm.

2. Năng lực chung

- HS có cơ hội phát triển năng lực tự học, NL giải quyết vấn đề và sáng tạo, NL tư duy - lập luận logic.

3. Phẩm chất

- Phẩm chất nhân ái: Có ý thức giúp đỡ nhau trong hoạt động nhóm để hoàn thành bài tập.
- Phẩm chất chăm chỉ: Chăm chỉ suy nghĩ, trả lời câu hỏi; làm tốt các bài tập.
- Phẩm chất trách nhiệm: Giữ trật tự, học tập nghiêm túc, tự giác, tích cực và cẩn thận trong làm bài.

II. Đồ dùng dạy học:

- GV: Lịch năm 2023 (BT2), BP
- HS: Bảng con BT3.

III. Các hoạt động dạy, học:**1. Khởi động**

- GV cho HS chơi trò chơi “Truyền điện” hỏi đáp và trả lời về các ngày, tháng trong năm.

2. Luyện tập thực hành**Bài 1: (BP)**

- a) Viết tiếp các ngày còn thiếu trong tờ lịch tháng 3/2023.

5	Thứ hai		4		18	25
	Thứ ba			12		26
	Thứ tư				20	
	Thứ năm		7			
	Thứ sáu	1		15		29
	Thứ bảy	2	9			30
	Chủ nhật		10		24	

- b) Xem tờ lịch trên rồi viết số thích hợp vào chỗ chấm:

- Ngày 7 tháng 3 là thứ
- Ngày 21 tháng 3 là thứ
- Ngày đầu tiên của tháng 3 là thứ
- Tháng 3 có ... ngày chủ nhật
- Chủ nhật cuối cùng của tháng 3 là ngày
- * GV chốt cách xem ngày, tháng, thứ trên lịch

- HS chơi trò chơi theo yc GV.

- HS suy nghĩ, làm bài cá nhân.
- GV gọi lần lượt HS lên điền.

- HS học nhóm đôi.

Bài 2: a) Xem lịch và cho biết tháng 1 năm 2023 có mấy ngày chủ nhật? Đó là những ngày nào trong tháng?

b) Em sinh ngày nào? Xem lịch và cho biết sinh nhật của em năm nay là vào thứ mấy?

Bài 3 : Điền vào chỗ chấm:

1 năm =tháng 3 năm = tháng

1 năm 5 tháng = ...tháng

25 tháng =năm ...tháng

$\frac{1}{3}$

$\frac{1}{3}$ năm = ...tháng 6 tháng = năm

* *Củng cố cho HS quan hệ giữa hai đơn vị tháng-năm*

3. Vận dụng

Bài 4: Ngày 23 tháng 2 của một năm thường là chủ nhật. Hỏi chủ nhật tiếp theo là ngày nào?

* *Củng cố số ngày trong tháng*

- Năm 2023 có bao nhiêu ngày? Tháng 2/ 2023 có bao nhiêu ngày?

- GV nhận xét giờ học. Dặn HS về tiếp tục thực hành xem lịch cho thành thạo.

- 1 số HS nêu trước lớp.

- HS làm trong bảng con lần lượt từng phần.

- Giải thích cách làm.

- HS suy nghĩ và nêu ý kiến

+ giải thích cách tính

Đ/s: Ngày chủ nhật tiếp theo là ngày 2/3.

- HS nêu.

TOÁN +

ÔN TẬP: CHU VI HÌNH TAM GIÁC, HÌNH CHỮ NHẬT, HÌNH VUÔNG

I. Yêu cầu cần đạt:

1. Năng lực đặc thù

- Củng cố cho HS về cách tính chu vi hình tam giác, chu vi hình vuông, chu vi hình chữ nhật khi biết độ dài các cạnh.

- Rèn kỹ năng thực hành tính chu vi hình tam giác, chu vi của hình vuông, chu vi hình chữ nhật theo số đo cho trước. Biết tính chiều dài (chiều rộng) của hình chữ nhật khi biết chu vi. Biết tính cạnh của HV khi biết chu vi.

2. Năng lực chung

- HS có cơ hội phát triển năng lực tự học, NL giải quyết vấn đề và sáng tạo, NL tư duy - lập luận logic.

3. Phẩm chất

- Phẩm chất nhân ái: Có ý thức giúp đỡ nhau trong hoạt động nhóm để hoàn thành bài tập.

- Phẩm chất chăm chỉ: Chăm chỉ suy nghĩ, trả lời câu hỏi; làm tốt các bài tập.

- Phẩm chất trách nhiệm: Giữ trật tự, biết lắng nghe, học tập nghiêm túc.

II. Đồ dùng dạy học:

- GV: Bảng phụ ghi nội dung bài 2, 3.

III. Các hoạt động dạy, học:

1. Khởi động

- Hát: “*Các hình cơ bản*”.

2. Luyện tập thực hành

Bài 1: Tính chu vi hình tam giác có độ dài ba cạnh lần lượt là 27cm; 3dm và 24cm.

- Gọi HS đọc bài toán
- Muốn tính chu vi hình tam giác trước hết ta phải làm gì?
- GV yc HS làm bài vào vở.
- GV nhận xét, chữa bài

* GV chốt cách tính chu vi hình tam giác :
‘*Chu vi hình tam giác bằng tổng độ dài ba cạnh*’.

Bài 2: Một thửa ruộng hình chữ nhật có chiều dài là 4dam8m, chiều dài gấp 4 lần chiều rộng. Tính chu vi thửa ruộng đó.

+ Chiều dài gấp 4 lần chiều rộng có nghĩa là giảm chiều dài mấy lần thì được chiều rộng?

- YC HS làm bài.

*GV chốt cách tính chu vi hình chữ nhật:
‘*Muốn tính chu vi HCN ta lấy chiều dài cộng chiều rộng(cùng đơn vị đo) rồi nhân với 2*’.

Bài 3: Người ta uốn một đoạn dây thép vừa đủ thành một hình vuông cạnh 10cm. Tính chu vi hình vuông đó?

- Gọi HS đọc đề bài
- Bài toán cho biết gì? Bài toán hỏi gì?
- Muốn tính chu vi hình vuông ta làm ntn?
- Yc HS làm bài vào vở.
- GV nhận xét, chữa bài.

* GV chốt cách tính chu vi hình vuông:
‘*Muốn tính chu vi hình vuông ta lấy độ dài 1 cạnh nhân với 4*’.

3. Vận dụng

Bài 4: (BP) Một cái sân gạch hình vuông có chu vi 1200dm. Tính độ dài một cạnh của cái sân gạch đó bằng bao nhiêu mét?

- GV gọi HS đọc đề toán.

- HS cả lớp hát.

- 1 HS đọc
- Ta phải đổi về cùng đơn vị đo :
 $3dm = 30cm$.
- HS làm bài vào vở.
- HS nhận xét, chữa bài.

- HS đọc đề, phân tích đề.
- HS trao đổi nhóm đôi nêu cách làm.

- HS nêu cách tìm chiều rộng và cách tính chu vi HCN.

+ Giảm chiều dài đi lần

- HS làm cá nhân, 1 HS lên bảng chữa bài.

Giải

$$4dam8m = 48m$$

Chiều rộng thửa ruộng là:

$$48:4 = 12(m)$$

Chu vi thửa ruộng hình chữ nhật là:

$$(48 + 12) \times 2 = 120(m)$$

Đáp số: 120 m

- 1 HS đọc đề toán, lớp đọc thầm.
- HSTL

- HS làm bài vào vở.
- HS nhận xét, chữa bài.

- 1 HS đọc đề toán, cả lớp đọc thầm.

- HD HS phân tích đề toán và yêu cầu HS làm bài vào vở.

- GV HD nhận xét, chữa bài, đánh giá.

**GV chốt cách tìm độ dài một cạnh của hình vuông khi biết chu vi.*

- Nêu quy tắc tính chu vi hình tam giác? Quy tắc tính chu vi hình chữ nhật? Quy tắc tính chu vi hình vuông.

- Nhận xét giờ học. Dặn HS về nhà xem lại các bài tập đã làm để ghi nhớ dạng toán.

- HS phát hiện cần phải đổi
 $1200\text{dm} = 120\text{m}$

- HS phân tích đề toán theo yêu cầu của GV sau đó làm bài vào vở.

- HS nhận xét, chữa bài.

- 2 HS nêu lại.

- HS lắng nghe.

TOÁN⁺

ÔN TẬP CÁC SỐ TRONG PHẠM VI 100000

I. Yêu cầu cần đạt:

1. Năng lực đặc thù

- Luyện tập viết và đọc, so sánh các số trong phạm vi 100 000 trong trường hợp đơn giản và có chữ số 0 ở giữa.

- Rèn kĩ năng viết và đọc, so sánh các số trong phạm vi 100 000 trong trường hợp đơn giản (không có chữ số 0 ở giữa).

2. Năng lực chung

- HS có cơ hội được phát triển NL giải quyết vấn đề toán học, NL tư duy và lập luận toán học.

3. Phẩm chất

- Phẩm chất nhân ái: Có ý thức giúp đỡ nhau trong hoạt động nhóm để hoàn thành bài tập.

- Phẩm chất chăm chỉ: Chăm chỉ suy nghĩ, trả lời câu hỏi; làm tốt các bài tập.

- Phẩm chất trách nhiệm: Giữ trật tự, học tập nghiêm túc, tự giác, tích cực và cẩn thận trong làm bài.

II. Đồ dùng dạy học:

- HS: Bảng con.

II. Các hoạt động dạy, học:

1. Khởi động

- Trò chơi: Viết nhanh, viết đúng

+ Nội dung chơi: Viết các số 45320; 705 215; 36015; 85755; (...)

- Tổng kết trò chơi

2. Luyện tập thực hành

Bài 1: Đọc các số sau:

a) 34895 c) 67124

b) 72307 d) 20 005

- HS tham gia trò chơi

+ 1 HS đọc số

+ 3 HS viết số

* HĐ cá nhân làm bài.

- HS làm bài vào vở

- Nhiều HS đọc trước lớp:

Ví dụ: Ba mươi tư nghìn tám trăm chín

- Yêu cầu HS đọc đề bài.

? Nêu cách đọc số.

**GV chốt cách đọc số.*

Bài 2: Viết các số, biết số đó gồm có:

-5 chục nghìn, 8 nghìn, 2 trăm, 7 chục, 4 đơn vị.

-3 chục nghìn, 6 trăm, 2 chục, 5 đơn vị.

-8 chục nghìn, 4 chục.

-1 chục nghìn, 9 đơn vị.

-GV nhận xét, chữa bài.

**GV chốt cách viết số*

Bài 3: a) Sắp xếp các số sau theo thứ tự từ lớn đến bé: 68 408, 67 934, 68 794, 67 804.

b) Sắp xếp các số sau theo thứ tự từ bé đến lớn: 52 671, 52 761, 52716, 52 617.

-Yêu cầu HS đọc đề bài.

-Yêu cầu HS tự làm.

- GV nhận xét, chữa bài.

Gọi HS đọc lại số này.

**Củng cố cách so sánh các số trong phạm vi 100 000.*

3. Vận dụng

Bài 4: Tìm hai số có hiệu bằng 2068, biết rằng lấy số bị trừ cộng với số trừ rồi cộng với hiệu thì được 4874.

-Yêu cầu HS đọc đề bài.

- GV hướng dẫn HS cách làm.

Ta có: số bị trừ + số trừ + hiệu = 4874

$$\text{số bị trừ} + \text{số bị trừ} = 4874$$

$$\text{số bị trừ} \times 2 = 4874$$

Số bị trừ cần tìm là:

$$4874 : 2 = 2437$$

Số trừ cần tìm là:

$$2437 - 2068 = 369$$

Đáp số: 2437, 369.

- GV giúp HS làm bài

** GV củng cố cách tìm số bị trừ, số trừ.*

? Nêu cách đọc, viết các số trong phạm vi 100 000.

- Nhận xét tiết học.

mười lăm.

+ Đọc từ hàng cao □ hàng thấp.

- 1 HS lên bảng viết, HS dưới lớp viết bảng con.

Ví dụ:

58274

30625

80040

10000

- HS đọc yêu cầu.

- HS tự làm, 2 HS lên bảng chữa bài, dưới lớp làm vào vở.

a) 68 794, 68 408, 67 934, 67 804.

b) 52 617, 52 671, 52 716, 52 761.

- HS nhận xét.

+ Đọc; viết từ hàng cao □ hàng thấp.

- HS đọc đề bài

* HS lắng nghe và tự làm vào vở.

- HS nhận xét, chữa bài.

- HS nêu.

LUYỆN TẬP: PHÉP CỘNG TRONG PHẠM VI 100000 (T1)**I. Yêu cầu cần đạt:****1. Năng lực đặc thù**

- Củng cố cho HS về cách cộng các số trong phạm vi 100 000.
- Rèn cho HS kĩ năng đặt tính, tính với phép cộng các số trong phạm vi 100000; vận dụng để giải toán.

2. Năng lực chung

- HS có cơ hội phát triển năng lực lập luận, tư duy toán học và năng lực giao tiếp toán học.

3. Phẩm chất

- Phẩm chất nhân ái: Có ý thức giúp đỡ nhau trong hoạt động nhóm để hoàn thành bài tập.
- Phẩm chất chăm chỉ: Chăm chỉ suy nghĩ, trả lời câu hỏi; làm tốt các bài tập.
- Phẩm chất trách nhiệm: Giữ trật tự, học tập nghiêm túc, tự giác, tích cực và cẩn thận trong làm bài.

II. Đồ dùng dạy học:

- HS: Bảng con BT1.

III. Các hoạt động dạy, học:**1. Khởi động**

- Trò chơi *Bắn tên*: Nội dung chơi về phép cộng các số trong phạm vi 100 000:

Tính:

$$18257 + 64439 \quad 2475 + 6820$$

$$37092 + 35864 \quad 56819 + 6546$$

2. Luyện tập thực hành

Bài 1: Tính tổng biết các số hạng lần lượt là:

a) 46954 và 22617 b) 34652 và 15289

c) 30905; 1864 và 49371

- GV cho HS làm bài.

** GV củng cố, chốt cho HS cách đặt tính, cách cộng có nhớ có tới 3 số hạng.*

Bài 2: Trong kho có 15360 kg muối. Người ta đã nhập thêm 8560 kg muối nữa. Hỏi sau khi nhập về, trong kho có tất cả bao nhiêu ki-lô-gam muối?

- HD phân tích đề và tóm tắt bài toán.

- Yc HS nêu cách tính.

- Cho HS tự làm bài rồi h/d chữa.

**GV chốt cách giải toán có một phép tính cộng trong phạm vi 100 000.*

Bài 3: Trong một năm, phân xưởng Một may được 12530 chiếc áo, phân xưởng hai may

- HS tham gia chơi

- Lớp theo dõi

- Nhận xét, đánh giá.

- Học sinh làm lần lượt từng phép tính vào bảng con; 1 HS làm trên bảng lớp.

- Nhận xét và trao đổi lại cách thực hiện.

- 1 HS đọc đề; 1 em nêu tóm tắt.

- 1 HS nêu cách làm

- Trình bày bài làm vào vở. 1 HS lên bảng làm bài

- Chữa bài.

- HS đọc, xác định yêu cầu.

nhiều hơn phân xưởng Một là 1535 chiếc. Hỏi cả hai phân xưởng may được tất cả bao nhiêu chiếc áo?

- HD phân tích đề và tóm tắt bài toán.
- Yc HS nêu các bước giải bài toán.
- Cho HS làm bài và h/d chữa trên bảng lớp.

**GV chốt cách giải bài toán bằng hai phép tính.*

3. Vận dụng

Bài 4: Điền chữ số thích hợp vào ô trống:

$$\begin{array}{r} \text{a, } 362 \bullet 7 \\ \bullet 5645 \\ \hline 9189 \bullet \end{array} \qquad \begin{array}{r} \text{b, } 17 \bullet 46 \\ \bullet 54 \bullet 3 \\ \hline 7328 \bullet \end{array}$$

- HD HS dựa vào cách cộng các số có nhiều chữ số để thực hiện.
- HD chữa bài.

+ Nêu lại cách thực hiện phép cộng các số trong phạm vi 100 000?

- Nhận xét giờ học. Dặn HS về xem lại bài để nắm vững cách làm.

- 1 HS tóm tắt trên bảng bằng sơ đồ, lớp tóm tắt vào vở.

- HS nêu các bước giải bài toán: Tìm số áo của phân xưởng Hai □ tìm số áo của cả hai phân xưởng.

- HS làm bài trong vở; 1 HS làm trên bảng lớp.

- Chữa bài; nêu các câu lời giải khác nhau cho bài toán.

- HS nêu cách thực hiện.

- HS làm nháp và chữa bài.

$$\begin{array}{r} 36247 \\ + 55645 \\ \hline 91892 \end{array} \qquad \begin{array}{r} 17846 \\ + 55443 \\ \hline 73289 \end{array}$$

- 1 HS nêu lại.

- HS lắng nghe.

TOÁN +

LUYỆN TẬP: PHÉP CỘNG TRONG PHẠM VI 100000 (T2)

I. Yêu cầu cần đạt:

1. Năng lực đặc thù

- củng cố lại cho HS cách cộng các số có đến 5 chữ số.
- Rèn kĩ năng đặt tính và thực hiện tính cộng các số có đến 5 chữ số, vận dụng để tìm số bị trừ và giải toán có lời văn. Biết phối hợp với bạn để ôn lại kiến thức đã học; đánh giá được bài làm của bạn, của mình.

2. Năng lực chung

- HS có cơ hội phát triển năng lực tự học, NL giải quyết vấn đề và sáng tạo, NL tư duy - lập luận logic.

3. Phẩm chất

- Phẩm chất nhân ái: Có ý thức giúp đỡ nhau trong hoạt động nhóm để hoàn thành bài tập.
- Phẩm chất chăm chỉ: Chăm chỉ suy nghĩ, trả lời câu hỏi; làm tốt các bài tập.
- Phẩm chất trách nhiệm: Giữ trật tự, học tập nghiêm túc, tự giác, tích cực và cẩn thận trong làm bài.

II. Đồ dùng dạy học:

- GV: BP (BT2).
- HS: Bảng con (BT1).

III. Các hoạt động dạy, học:

1. Khởi động

- Trò chơi *Hộp quà bí mật*.
- + TBHT điều hành
- + Nội dung về phép cộng các số trong phạm vi 100 000: Tính
- 51379 + 37421 21357 + 4208
- 53028 + 18436 23154 + 31028
- + Lớp theo dõi nhận xét, đánh giá.

2. Luyện tập thực hành

Bài 1: Đặt tính rồi tính.

$$\begin{array}{r} 47386 + 20882 \\ 35671 + 5324 \end{array} \qquad \begin{array}{r} 69430 + 12383 \\ 30482 + 6009 \end{array}$$

- ? Bài yêu cầu gì?
- ? Khi đặt tính ta cần lưu ý điều gì?
- ? Nêu cách thực hiện từng phép tính?

- Yêu cầu HS làm bài.

- Gọi HS nhận xét.

* *GV chốt: Cách đặt tính và thực hiện các phép tính cộng trong phạm vi 10000.*

Bài 2: (BP) Một cửa hàng bán xăng dầu, buổi sáng bán được 25 764 lít xăng, buổi chiều bán được nhiều hơn buổi sáng 794 lít. Hỏi cả hai buổi bán được bao nhiêu lít xăng?

- Gọi HS đọc bài toán.
- ? Bài toán cho biết gì?

? Bài toán hỏi gì?

- ? Muốn tìm số xăng bán cả hai buổi cần biết gì?
- ? Tìm số xăng bán buổi chiều làm thế nào?

- Yêu cầu HS làm bài vào vở, 1 HS làm bảng lớp.

- HS tham gia chơi
- Nhận xét, đánh giá, tuyên dương.
- + Đặt tính rồi tính.
- + Chữ số của các hàng thẳng cột với nhau.
- Tính từ phải sang trái, nhớ sang hàng đứng liền trước.
- HS thực hiện trong bảng con; 1 HS làm trên bảng lớp
- Nhận xét và trao đổi cách làm.

- 1 HS đọc, lớp đọc thầm.
- + Buổi sáng bán được 25 764 lít xăng, buổi chiều bán được nhiều hơn buổi sáng 794 lít.
- + Cả hai buổi bán được bao nhiêu lít xăng?
- + Biết số xăng bán mỗi buổi.
- + Lấy số bán buổi sáng cộng với phần hơn.
- HS làm bài vào vở.

Bài giải

Buổi chiều bán số xăng là:

$$25764 + 794 = 26\ 558 (l)$$

Cả hai buổi bán số xăng là:

$$25764 + 26\ 558 = 52322 (l)$$

Đáp số: 52322 l

- HS suy nghĩ nêu hướng giải:
- + Viết dưới dạng biểu thức và tính (hoặc giải theo cách tính ngược từ dưới lên).

- GV cùng HS nhận xét, chữa bài.
** GV chốt: Giải bài toán bằng hai phép tính, có phép tính cộng.*

Bài 3: Một cửa hàng bán gạo có 4129kg gạo nếp và gạo tẻ gấp 4 lần số gạo nếp. Hỏi cửa hàng có tổng cộng bao nhiêu ki-lô-gam gạo các loại?

- Gọi HS nêu, phân tích yc bài toán.
- Bài toán cho biết gì?
- Yêu cầu tìm gì?
- HD HS tóm tắt bài toán
- HDHS phân tích, chỉ ra bước giải
- Muốn biết cửa hàng có tổng cộng bao nhiêu kg gạo các loại ta đi tìm gì trước? Làm tính gì?
- Sau đó làm gì tiếp?
- HD HS trình bày bài

- GV nhận xét, đánh giá.
 - Bài toán là hợp của những bài toán nào?
** GV chốt: giải bài toán bằng hai phép tính, , bài toán là hợp của dạng toán gấp một số lên nhiều lần, dạng toán tìm tổng.*

3. Vận dụng

Bài 4: Tìm tổng của của số lớn nhất và số bé nhất có 5 chữ số khác nhau được tạo thành từ các số 1,0,7,2,6

- Yc HS đọc đề bài
- HDHS làm bài.
- GV nhận xét, chữa bài.
- * GV chốt: Cách đặt tính với các số có 5 chữ số.*
- Nhắc lại nội dung bài.
- Nhận xét giờ học.

- HS đọc và phân tích bài theo nhóm đôi.

- HS tóm tắt bài toán.

- Tìm số kg gạo tẻ, làm tính nhân.

- Tìm số kg gạo cả hai loại, làm tính cộng.

- 1HS lên bảng chữa bài, lớp làm vào vở.

- HS nhận xét.

- HS nêu: Bài toán gấp một số lên nhiều lần, dạng toán tìm tổng hai số.

- HS nêu.

- 1 HS đọc.

- HS làm bài vào vở, 1 HS chữa bài.

TOÁN +

LUYỆN TẬP: PHÉP TRỪ TRONG PHẠM VI 100000 (T1)

I. Yêu cầu cần đạt:

1. Năng lực đặc thù

- Củng cố, khắc sâu cho HS về phép trừ các số trong phạm vi 100 000.

- Rèn kĩ thực hiện phép trừ các số trong phạm vi 100 000. Vận dụng vào làm các bài tập có liên quan và vào giải toán có lời văn (có phép trừ các số trong phạm vi 100 000).

2. Năng lực chung

- HS có cơ hội phát triển năng lực tự học, NL giải quyết vấn đề và sáng tạo, NL tư duy - lập luận logic.

3. Phẩm chất

- Phẩm chất nhân ái: Có ý thức giúp đỡ nhau trong hoạt động nhóm để hoàn thành bài tập.

- Phẩm chất chăm chỉ: Chăm chỉ suy nghĩ, trả lời câu hỏi; làm tốt các bài tập.

- Phẩm chất trách nhiệm: Giữ trật tự, học tập nghiêm túc, tự giác, tích cực và cẩn thận trong làm bài.

II. Đồ dùng dạy học:

- GV: Bảng phụ(BT3)

- HS: Bảng con.

III. Các hoạt động dạy, học:

1. Khởi động

- Trò chơi *Tính nhanh, tính đúng*

92892 – 56356 82533 – 15016

75185 – 63840 54800 – 136

- Tổng kết

2. Luyện tập thực hành

Bài 1: Đặt tính rồi tính.

a) 93507 - 72345 13765 - 7574

b) 71636 - 59385 76548 - 39 372

c) 90707 – 45682 – 4538

- Yêu cầu HS thực hiện bảng con

* GV chốt cách đặt tính rồi tính phép trừ trong phạm vi 100000.

Bài 2 : Một cửa hàng nhận về 37 084 kg gạo, ngày đầu bán 10 632 kg gạo, ngày thứ hai bán 12 847 kg gạo. Hỏi sau hai ngày cửa hàng còn lại bao nhiêu ki-lô-gam gạo?

- Hướng dẫn HS phân tích bài toán:

? Bài toán cho biết gì? Yêu cầu tìm gì?

? Muốn biết sau hai ngày cửa hàng còn lại bao nhiêu ki-lô-gam gạo, ta làm thế nào?

- Yêu cầu HS tóm tắt rồi giải.

Cách 1: Sau ngày đầu, cửa hàng còn lại số ki-lô-gam gạo là: $37\ 084 - 10\ 632 = 26\ 452$ (kg)

Sau ngày thứ hai, cửa hàng còn lại số ki-lô-gam gạo là: $26\ 452 - 12\ 847 = 13\ 605$

- HS tham gia trò chơi.

- Nhận xét, đánh giá.

- HS nêu yc.

- HS làm vào bảng con, 4 HS lên bảng chữa bài.

- HS nhận xét.

- Đọc đề, phân tích, tóm tắt rồi giải.

- Làm vở. 1HS lên bảng.

- HS nêu cách 2 (nếu làm được).

Bài giải

Cách 2: Cả hai ngày bán số ki-lô-gam gạo là:

$10\ 632 + 12\ 847 = 23\ 479$ (kg)

Cửa hàng còn lại số ki-lô-gam gạo là: $37\ 084 - 23\ 479 = 13\ 605$ (kg)

Đáp số: 13 605 kg gạo

(kg)

Đáp số: 13 605 kg gạo

** Chốt: Giải toán bằng hai phép tính.*

Bài 3:(BP) Một cửa hàng có 95 000 kg gạo. Cửa hàng đã bán hai lần: lần thứ nhất bán 35 400 kg, lần thứ hai bán 46 790 kg. Hỏi cửa hàng còn lại bao nhiêu ki - lô - gam gạo?

+ B1: Đọc và xác định yc bài toán.

- Gọi học sinh đọc đề bài .

+ B2: Tóm tắt đề toán

- Gọi HS tóm tắt đề toán.

+B3: Phân tích bài toán, chỉ ra bước giải.

Muốn biết cửa hàng còn lại bao nhiêu ki-lô-gam gạo ta cần biết gì ?

Muốn tìm cửa hàng đã bán tất cả bao nhiêu ki-lô-gam ta làm ntn ?

- YC HS nêu cách làm khác.

+B4: Trình bày bài giải.

- Yêu cầu HS tự làm bài, 1 Hs lên bảng chữa bài.

Cách 1:

Hai lần bán được số gạo là:

$$35400 + 46\,790 = 82190 \text{ (kg)}$$

Cửa hàng còn lại số gạo là:

$$95000 - 82190 = 12810 \text{ (kg)}$$

Đáp số: 12810 kg gạo

+B5: Kiểm tra lại bài giải.

- Gọi HS nhận xét.

- GV nhận xét vở HS, yêu cầu HS đổi chéo vở kiểm tra.

**GV chốt cách giải bài toán bằng 2 phép tính có liên quan đến phép trừ các số trong phạm vi 100000.*

3. Vận dụng

Bài 4: Tính nhanh:

a, $32\,764 + 2\,467 + 236 - 2\,467$

b, $32\,456 - (1500 + 2\,456)$

- Yêu cầu HS nêu cách làm.

- Gọi 2 HS lên bảng.

- Chữa bài, nhận xét.

Đáp án:

a, $32\,764 + 2\,467 + 236 - 2\,467$

$= (32\,764 + 236) + (2\,467 - 2\,467)$

- HS đọc bài, phân tích đề toán.

- HS đọc đề, phân tích đề.

- HS tóm tắt.

+ HS trả lời.

- HS nêu.

- HS làm cá nhân, 2 HS lên bảng chữa 2 cách.

Cách 2:

Sau khi bán lần thứ nhất cửa hàng còn lại là:

$$95000 - 35400 = 59600 \text{ (kg)}$$

Sau hai lần bán cửa hàng còn lại là:

$$59600 - 46790 = 12810 \text{ (kg)}$$

Đáp số: 12810 kg gạo.

- HS nhận xét.

- HS nêu cách làm.

- Làm vở. 2 HS lên bảng.

$= 33\ 000 + 0 = 33\ 000$ b, $32\ 456 - (1500 + 2\ 456)$ $= 32\ 456 - 2456 - 1500$ $= 30\ 000 - 1500 = 28\ 500$ * <i>Chốt: Cách tính nhanh giá trị của biểu thức.</i> - Nêu cách trừ các số trong phạm vi 100 000. - Nhắc HS chú ý tính trừ cho chính xác. - Nhận xét giờ học.	- HS nêu. - HS lắng nghe.
---	------------------------------

TOÁN +

LUYỆN TẬP: PHÉP TRỪ TRONG PHẠM VI 100000 (T2)

I. Yêu cầu cần đạt:

1. Năng lực đặc thù

- Củng cố lại cho HS cách trừ các số có đến 5 chữ số.
- Rèn cho HS kỹ năng đặt tính và tính phép trừ các số có đến 5 chữ số; kỹ năng giải toán có đến hai phép tính; vận dụng làm bài nâng cao về điền ô số.

2. Năng lực chung

- HS có cơ hội phát triển NL giải quyết vấn đề toán học, NL tư duy và lập luận toán học.

3. Phẩm chất

- Phẩm chất nhân ái: Có ý thức giúp đỡ nhau trong hoạt động nhóm để hoàn thành bài tập.
- Phẩm chất chăm chỉ: Chăm chỉ suy nghĩ, trả lời câu hỏi; làm tốt các bài tập.
- Phẩm chất trách nhiệm: Giữ trật tự, học tập nghiêm túc, tự giác, tích cực và cẩn thận trong làm bài.

II. Đồ dùng dạy học:

- GV: Bảng phụ chép BT 4
- HS: bảng con BT1.

III. Các hoạt động dạy, học:

1. Khởi động

- Cho HS hát và vận động theo bài hát : *Baby shark*.

2. Luyện tập thực hành

Bài 1: Đặt tính rồi tính.

82914 - 34236 94523 - 28106
56930 - 8015 90700 - 31278

- Bài yêu cầu gì?
- Khi đặt tính ta cần lưu ý điều gì?
- Nêu cách thực hiện từng phép tính?
- Yêu cầu HS làm vở cá nhân, 2HS lên bảng.

* *GV chốt: Cách đặt tính và thực hiện các phép tính trừ trong phạm vi 10000.*

- HS hát và vận động theo nhạc.

- HS thực hiện trong bảng con lần lượt từng phép tính, 1 HS làm trên bảng lớp.
- Nhận xét và trao đổi cách làm.

-

+ Tổng 3 ô liên nhau là 12530 vậy ở trong bài trên thì ô số mấy có thể tìm được ? vì sao ?

- HD HS tìm các ô khác còn lại bằng cách tính tương tự
- GV cho HS làm bài vào vở-> H/d chữa bài.
- * *GV chốt cách làm dạng bài này: dựa vào hai các ô đã cho để tìm ô liên tiếp còn lại; dựa vào hai ô liên tiếp tìm ô thứ ba còn lại trong 3 ô liên tiếp.*
- GV nhận xét tiết học. Dặn HS về xem lại bài đặc biệt là bài tập 3 để nắm vững cách làm.

+ ô 2... hoặc ô 5 có thể tìm được vì ta đã biết tổng hai ô liên tiếp nên sẽ tìm được ô thứ ba trong 3 ô liên tiếp.

Ví dụ: số ở ô 2 = $12530 - (3942 + 4867)$

- HS làm bài vào vở.
- 1 em lên bảng chữa, lớp nhận xét, bổ sung.
- HS lắng nghe.

TUẦN 26

Toán(Tăng)

LUYỆN TẬP: PHÉP CỘNG, PHÉP TRỪ TRONG PHẠM VI 100 000

I. YÊU CẦU CẦN ĐẠT

1. Năng lực đặc thù:

- Củng cố, khắc sâu cho học sinh về phép cộng, phép trừ trong phạm vi 100 000
- Vận dụng phép cộng, phép trừ trong phạm vi 100 000 để giải toán có lời văn
- Phát triển năng lực lập luận, tư duy toán học và năng lực giao tiếp toán học

2. Năng lực chung.

- Năng lực tự chủ, tự học: Chủ động học tập, tìm hiểu nội dung bài học. Biết lắng nghe và trả lời nội dung trong bài học.
- Năng lực giải quyết vấn đề và sáng tạo, vận dụng.
- Năng lực giao tiếp và hợp tác: Thực hiện tốt nhiệm vụ trong hoạt động nhóm.

3. Phẩm chất.

- Phẩm chất nhân ái: Có ý thức giúp đỡ lẫn nhau trong hoạt động nhóm để hoàn thành nhiệm vụ.
- Phẩm chất chăm chỉ: Chăm chỉ suy nghĩ, trả lời câu hỏi; làm tốt các bài tập.
- Phẩm chất trách nhiệm: Giữ trật tự, biết lắng nghe, học tập nghiêm túc.

II. ĐỒ DÙNG DẠY HỌC

- GV: BP (BT2)

- HS: Bảng con BT1

II. CÁC HOẠT ĐỘNG DẠY HỌC

1. Khởi động

- Cho lớp chơi trò chơi “ Giải đáp nhanh” trả lời

- HS nghe phổ biến luật

các câu hỏi liên quan đến phép cộng, trừ (có nhớ) trong phạm vi 100000

- GV nhận xét, khen ngợi nhóm có câu hỏi hay, câu trả lời chính xác, ngắn gọn, dễ hiểu giới thiệu bài

2. Luyện tập

HD1. Củng cố kiến thức

- GV tổ chức cho HS thảo luận nhóm đôi theo các nội dung sau:
- Nêu lại cách đặt tính và tính các số trong phạm vi 100 000

- Khi thực hiện cộng có nhớ cần lưu ý điều gì ?

- Khi thực hiện trừ có nhớ cần lưu ý điều gì ?

**Chốt: Khi thực hiện phép cộng, phép trừ, ta thực hiện qua 2 bước: Đặt tính và tính.*

Đặt tính sao cho số trăm thẳng với số trăm, số chục thẳng với số chục, số đơn vị thẳng số đơn vị. Tính từ phải sang trái. Chú ý khi thực hiện cộng, trừ có nhớ.

HD2. Luyện tập.

Bài 1.(Bảng con). Đặt tính rồi tính.

$$28125 + 16047$$

$$97821 - 46009$$

$$71435 - 20169$$

$$46241 + 21249$$

- Bài yêu cầu làm gì?

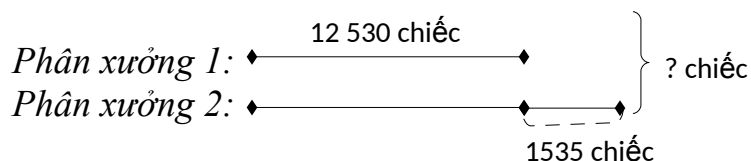
- Yêu cầu HS làm bài

**Chốt: về phép cộng, trừ (có nhớ) trong phạm vi 100 000*

Bài 2: (BP) Trong một năm, phân xưởng Một may được 12 530 chiếc áo, phân xưởng hai may nhiều hơn phân xưởng Một là 1535 chiếc. Hỏi cả hai phân xưởng may được tất cả bao nhiêu chiếc áo?

- YC HS đọc đề toán

- Hướng dẫn phân tích đề và tóm tắt bài toán.



- Y/c HS nêu các bước giải bài toán.

chơi. HS chia ra thành 2 đội chơi, mỗi đội tự đặt tên cho mình (Thỏ Trắng – Thỏ Nâu)

- HS tham gia chơi.

- HS ghi tên bài

- HS hoạt động nhóm đôi thảo luận theo các yêu cầu GV đưa ra

- Đại diện một số nhóm trình bày

- Các nhóm khác nhận xét, bổ sung.

- HS đọc, phân tích đề bài

- Đặt tính rồi tính

- 2HS lên bảng làm bài. Lớp làm bài bảng con.

- 1 HS đọc bài toán, HS còn lại đọc thầm theo bạn

- 1 HS tóm tắt trên bảng bằng sơ đồ, lớp tóm tắt vào vở.

- GV nhận xét, yêu cầu HS làm bài

+ GV chữa bài, nhận xét.

+ Củng cố cách giải bài toán 2 phép tính.

Bài 3: Tính bằng cách thuận tiện nhất.

$$2524 + 1637 + 2476 + 3363$$

- YCHS tự làm.

- YC nêu cách làm

- GV nhận xét, chữa bài. Chốt cách tính.

3. Vận dụng

- HS tìm một số tình huống trong thực tế liên quan đến phép cộng, trừ trong phạm vi 100 000 rồi chia sẻ với cả lớp.

*Củng cố, dặn dò

- Khi đặt tính và tính em cần lưu ý những gì ?

- Nhận xét tiết học và chuẩn bị bài sau.

- HS nêu các bước giải bài toán:

+Tìm số áo của phân xưởng Hai

+Tìm số áo của cả hai phân xưởng.

- 1 HS làm trên bảng lớp.

HS làm bài trong vở.

Phân xưởng hai may được số áo là:

$$12530 + 1535 = 14$$

065(chiếc)

Cả hai phân xưởng may được số áo là:

$$12530 + 14065 = 26595$$

(chiếc)

Đáp số: 26595 chiếc

áo

- HS đọc đề bài.

- HS làm bài. 1 HS chữa bài trên bảng.

$$2524 + 1637 + 2476 + 3363$$

$$= (2524 + 2476) + (1637 + 3363)$$

$$= 5000 + 5000$$

$$= 10\ 000$$

- HS chia sẻ với cả lớp

- 1-> 2HS nêu

Toán (tăng)

LUYỆN TẬP: NHÂN SỐ VỚI SỐ CÓ MỘT CHỮ SỐ (CÓ NHỚ).

I. YÊU CẦU CẦN ĐẠT:

1. Năng lực đặc thù:

- Củng cố, khắc sâu cho học sinh về nhân số với số có một chữ số (có nhớ)

- Vận dụng phép nhân số với số có một chữ số (có nhớ) vào giải bài toán có lời văn

- Phát triển năng lực lập luận, tư duy toán học và năng lực giao tiếp toán học

2. Năng lực chung.

- Năng lực tự chủ, tự học: Chủ động học tập, tìm hiểu nội dung bài học. Biết lắng nghe và trả lời nội dung trong bài học.
- Phẩm chất nhân ái: Có ý thức giúp đỡ lẫn nhau trong hoạt động nhóm để hoàn thành nhiệm vụ.
- Phẩm chất chăm chỉ: Chăm chỉ suy nghĩ, trả lời câu hỏi; làm tốt các bài tập.
- Phẩm chất trách nhiệm: Giữ trật tự, biết lắng nghe, học tập nghiêm túc.

II. ĐỒ DÙNG DẠY HỌC

GV: BP(BT3,4)

HS: Bảng con(BT1)

III. CÁC HOẠT ĐỘNG DẠY HỌC CHỦ YẾU

1. Khởi động

Tạo không khí vui vẻ, khẩn khởi cho HS

Trò chơi: Ai nhanh – Ai đúng

- Nêu cách đặt tính, cách tính khi nhân số có bốn chữ số với số có một chữ số. Lấy VD.

- GV cùng HS nhận xét

=>Chốt: Cách đặt tính và thực hiện tính nhân số có 1 chữ số. Lưu ý với phép tính nhân (có nhớ)

- HS làm theo y/c.

- 1 HS lên làm trọng tài

- Nhận xét

2. Luyện tập thực hành

Bài 1. (Bảng con). Đặt tính rồi tính

1273 x 3 2150 x 2

2018 x 4 2095 x 4

- GV nhận xét.

=>Chốt cách nhân số có 1 chữ số.

Bài 2. Tính giá trị của biểu thức.

a, $3176 \times 3 + 570$ b. $9872 - 1346 \times 6$

*c, $2103 \times (2342 - 2339) - 4605$

- Bài tập yêu cầu ta làm gì?

- Trong biểu thức có cộng, trừ, nhân, chia ta làm như thế nào?

- Trong biểu thức có dấu ngoặc đơn ta thực hiện như thế nào?

- GV yêu cầu hs làm bài.

- GV thu bài, nhận xét.

=>Chốt: Cách tính giá trị của biểu thức.

Bài 3. (BP). Tìm một số biết số đó giảm đi 4 lần rồi thêm 149 thì được 1625.

- GV đến các nhóm HD :

- Bài cho biết gì ? Hỏi gì ?

- Muốn tìm được số cần tìm em phải biết

HD cá nhân

- HS nêu yêu cầu

- 4 HS lên bảng, lớp làm bảng con

*HS lấy thêm được các phép nhân số có 1 chữ số.

- Nhận xét

HD cá nhân

- HS trả lời

- Ta thực hiện nhân hoặc chia trước cộng hoặc trừ sau.

- Ta thực hiện trong ngoặc đơn trước, ngoài ngoặc đơn sau.

- Làm bài cá nhân vào vở, 3HS chữa bài.

- Lớp nhận xét.

HD nhóm

HS trả lời

- HS hoạt động thảo luận tìm cách

gì ?

- Muốn tìm số khi chưa thêm 149 vào em làm thế nào ?
- Muốn tìm số khi chưa giảm đi 4 lần em làm ntn ?

- GV nhận xét, chốt cách làm đúng

=>Chốt cách giải bài toán tính ngược từ cuối.

3. Vận dụng:

Bài 4. (BP) Khối lớp Bốn trồng được 1257 cây, khối lớp Năm trồng gấp ba lần số cây khối lớp Bốn. Hỏi cả hai khối lớp trồng được bao nhiêu cây?

- GV hướng dẫn học sinh phân tích bài toán.

- Bài cho biết gì ? Hỏi gì ?

- Muốn cả hai khối lớp trồng được bao nhiêu cây em phải biết gì ?

- Muốn tìm số cây khối lớp Năm trồng em làm ntn ?

- GV YC học sinh làm bài

- Gv nhận xét

+ GDHS bảo vệ cây xanh,...

=>Chốt: Giải toán bằng 2 phép tính có liên quan đến phép tính cộng và nhân.

- Câu hỏi củng cố bài

- Nêu cách đặt tính, cách tính khi nhân số có 4 chữ số với số có 1 chữ số .

- Nhận xét giờ học. Dặn HS xem lại bài.

giải theo nhóm 4.

*HS giải bằng nhiều cách khác nhau.

- HS làm bài vào nháp.

- HS lên bảng.

Giải:

Cách 1: Số đó chưa thêm 149 là:

$$1625 - 149 = 1476$$

Số đó chưa giảm đi 4 lần là:

$$1476 \times 4 = 5904$$

Vậy số đó là 5904.

- HS nêu cách 2(nếu làm được)

HĐ cá nhân

- HS đọc bài toán

- HS tr¶ lời

- Phải biết đội hai trồng được bao nhiêu cây.

- HS trả lời

- Em thực hiện phép tính nhân.

- 1HS lên bảng làm bài lớp làm vào vở.

- HS nhận xét

*HS nêu câu trả lời khác.

-

Toán (tăng)

LUYỆN TẬP: NHÂN SỐ VỚI SỐ CÓ MỘT CHỮ SỐ (KHÔNG NHỚ)

I. YÊU CẦU CẦN ĐẠT

1. Năng lực đặc thù:

- Củng cố, khắc sâu cho học sinh về nhân số với số có một chữ số (không nhớ)

- Vận dụng phép nhân số với số có một chữ số (không nhớ) để giải toán có liên quan

- Phát triển năng lực lập luận, tư duy toán học và năng lực giao tiếp toán học

2. Năng lực chung.

- Năng lực tự chủ, tự học: Chủ động học tập, tìm hiểu nội dung bài học. Biết lắng nghe và trả lời nội dung trong bài học.

- Năng lực giải quyết vấn đề và sáng tạo, vận dụng.
- Năng lực giao tiếp và hợp tác: Thực hiện tốt nhiệm vụ trong hoạt động nhóm.

3. Phẩm chất.

- Phẩm chất nhân ái: Có ý thức giúp đỡ lẫn nhau trong hoạt động nhóm để hoàn thành nhiệm vụ.
- Phẩm chất chăm chỉ: Chăm chỉ suy nghĩ, trả lời câu hỏi; làm tốt các bài tập.
- Phẩm chất trách nhiệm: Giữ trật tự, biết lắng nghe, học tập nghiêm túc.

II. ĐỒ DÙNG DẠY HỌC

GV: BP (BT3,4)

HS: Bảng con BT1

II. CÁC HOẠT ĐỘNG DẠY HỌC

1. Khởi động

- + Tạo không khí vui vẻ, khẩn khởi trước giờ học.

Trò chơi: Ong đi tìm nhụy

- Nêu phép nhân số với số có một chữ số?
- Nêu cách đặt tính, thực hiện phép tính nhân số có năm chữ số cho số có một chữ số.
- GV nhận xét, đánh giá.

-> GV chốt: Cách đặt tính, thực hiện phép tính nhân số với số có một chữ số. (không nhớ)

2. Luyện tập

Bài 1: Đặt tính rồi tính (Bảng con)

$$\begin{array}{r} 24213 \times 2 \\ 11010 \times 5 \end{array} \quad \begin{array}{r} 1010 \times 9 \\ 12012 \times 4 \end{array}$$

- Y/c H/s đọc đầu bài
- Bài toán yêu cầu gì?
- Em có nhận xét gì về các phép nhân trên?

- Nêu cách đặt tính, thực hiện phép tính nhân số có năm chữ số cho số có một chữ số.

- GV nhận xét

-> Chốt: Cách đặt tính, thực hiện phép nhân số với số có một chữ số (không nhớ)

Bài 2: GV treo bảng phụ

Một nhà máy sản xuất đường. Lần thứ nhất xuất khẩu được 21032 kg đường. Lần thứ hai xuất khẩu được gấp 3 lần thứ nhất. Hỏi cả hai lần xuất khẩu được bao nhiêu ki – lô- gam đường?

- HD học sinh thực hiện theo 5 bước.
- Gọi hs nêu, phân tích yêu cầu bài.
- Bài toán cho biết gì?

- HS tham gia trò chơi

- Học sinh nêu phép nhân, làm bảng con.

- 3 HS lên bảng, lớp làm bảng con.

- HS trả lời

- 4HS làm bảng, lớp làm bảng con.

*HS nêu: Các phép nhân điều là nhân số có năm chữ số với số có một chữ số.

- HĐ cá nhân, nhóm đôi
- HS đọc, phân tích yêu cầu bài theo nhóm đôi

- Lần thứ nhất xuất khẩu được 21032 kg đường. Lần thứ hai xuất khẩu được gấp 3 lần thứ nhất

- Cả hai lần xuất khẩu được bao nhiêu ki – lô- gam đường

- Yêu cầu tìm gì?
- HD học sinh tóm tắt bài.
- HD học sinh phân tích, chỉ ra bước giải
- Muốn biết cả hai lần xuất được bao nhiêu ki-lô-gam đường ta đi tìm gì trước? làm tính gì?
- Sau đó tìm gì tiếp? Làm gì tiếp?

- HD học sinh trình bày bài

- HD học sinh kiểm tra, thử lại kết quả.

- GV nhận xét, đánh giá.

***Bài toán là hợp của những bài toán nào?**

-> *Chốt: giải toán bằng hai phép, bài toán là hợp của dạng toán gấp một số lên nhiều lần, dạng toán tìm tổng.*

Bài 3: Tìm tích của số liền sau của số bé nhất có năm chữ số với số 9. Tích đó kém số lớn nhất có năm chữ số bao nhiêu đơn vị?

- Gọi hs nêu yêu cầu của bài.

HD:

Số liền sau của số bé nhất có năm chữ số là số nào?

- Số lớn nhất có năm chữ số là số nào?

- Muốn tìm tích của số liền sau của số bé nhất có năm chữ số với số 9 ta làm như thế nào?

- Muốn biết tích đó kém số lớn nhất có năm chữ số bao nhiêu đơn vị ta làm tính gì?

- Y/c học sinh tự làm vào vở

-> *Chốt: Cách tìm tích, cách tìm số lớn hơn số bé bao nhiêu đơn vị.*

3. Vận dụng:

Bài 4. (BP) Nhân đợt quyên góp quần áo cho

- HS tóm tắt bài (lời văn,)

- Tìm số ki-lô-gam đường của ngày thứ hai, làm tính nhân

- Tìm số ki-lô-gam đường của cả hai ngày, làm tính cộng.

- 1 HS lên bảng chữa bài, lớp làm vở

- HS kiểm tra, thử lại kết quả.

- Nhận xét.

- HS nêu: Bài toán gấp một số lên nhiều lần, dạng toán tìm tổng của hai số.

- 1 HS nêu

- Là số 10001

- HS trả lời

- Là số 99999

- Ta lấy số liền sau của số bé nhất có năm chữ số nhân với 9

- Ta làm tính trừ

- HS làm vào vở, HS lên bảng chữa bài.

- Nhận xét.

Đáp án:

Số liền sau của số bé nhất có năm chữ số là: 10001

Số lớn nhất có năm chữ số là: 99999

Tích của số liền sau của số bé nhất có năm chữ số với số 9 là:

$$10001 \times 9 = 90009$$

Tích đó kém số lớn nhất có năm chữ số bao nhiêu đơn vị là:

$$99999 - 90009 = 9990$$

đồng bào miền Trung trường Tiểu học Tân An
quyên góp được 1069 bộ quần áo, Trường tiểu
học Thanh Hải quyên góp được gấp ba lần
trường Tân An . Hỏi cả hai trường quyên góp
được bao nhiêu bộ quần áo?

- GV hướng dẫn học sinh phân tích bài toán.
- Bài cho biết gì ? Hỏi gì ?
- Muốn cả hai trường thu gom được bao nhiêu
bộ quần áo em phải biết gì ?
- Muốn tìm số bộ quần áo của trường Thanh
Hải em làm ntn ?

- GV YC học sinh làm bài

- Gv nhận xét

+ GDHS luôn có tinh thần ủng hộ,...

=> *Chốt: Giải toán bằng 2 phép tính có liên
quan đến phép tính cộng và nhân.*

Câu hỏi củng cố bài

- Nêu cách đặt tính, thực hiện phép tính nhân
số với số có một chữ số.
- Nhận xét tiết học.
- Nhắc HS về nhà xem lại bài đã làm.

- HS đọc bài toán

- HS lắng nghe.

- HS trả lời

- HS làm vào vở, HS lên bảng
chữa bài.
